

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 466/2020/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 09 tháng 9 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG KHÓA IX,  
KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Xét Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân  
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai  
đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 75/BC-HĐND  
ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;  
ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:**

Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn thuộc sở, ngành và địa phương quản lý  
với tổng vốn 672.939 triệu đồng, gồm tăng kế hoạch vốn 39 dự án, giảm kế hoạch  
vốn 132 dự án, cụ thể là:

1. Vốn cân đối ngân sách địa phương tăng, giảm 215.778 triệu đồng, gồm  
tăng kế hoạch vốn 17 dự án, giảm kế hoạch vốn 68 dự án.

*(Chi tiết kèm theo Phụ lục I)*

2. Vốn xổ số kiến thiết tăng, giảm 316.668 triệu đồng, gồm tăng kế hoạch  
vốn 20 dự án, giảm kế hoạch vốn 58 dự án.

*(Chi tiết kèm theo Phụ lục II)*

3. Vốn từ nguồn thu sử dụng đất tăng, giảm 140.493 triệu đồng, gồm tăng kế  
hoạch vốn 02 dự án, giảm kế hoạch vốn 06 dự án.

*(Chi tiết kèm theo Phụ lục III)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này bãi bỏ một số Danh mục dự án tại các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 114/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018; Nghị quyết số 178/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018; Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND ngày 22/4/2019; Nghị quyết số 222/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019; Nghị quyết số 261/2019/NQ-HĐND ngày 21/10/2019; Nghị quyết số 271/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019; Nghị quyết số 306/2020/NQ-HĐND ngày 03/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã được điều chỉnh tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ Hai mươi một thông qua ngày 04 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2020. / *Chức*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (để đăng Công báo tỉnh);
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT, PTH, ddqnhut.

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Tuyết Em**

Phụ lục I

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 66/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>						988.775	1.111	988.775	674	215.778	-215.778
<b>I</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>						74.582	0	116.457	0	42.145	-270
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Bình Trị, huyện Kiên Lương (Bồi thường giải phóng mặt bằng)	Kiên Lương	2014-2017	2268/QĐ-UBND, 30/10/2012	252.440	9.000	270		0			-270
2	"Hệ thống cấp nước liên xã Vân Khánh – Vân Khánh Đông - Vân Khánh Tây – Đông Hưng A, huyện An Minh" điều chỉnh tên thành "Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh"	An Minh	2017-2020	2591/QĐ-UBND, 30/10/2015; 1135/QĐ-UBND, 22/5/2017	123.000	1.000	1.000		13.000		12.000	
3	Đóng mới tàu kiểm ngư trang bị cho lực lượng thanh tra chuyên ngành Thủy sản Kiên Giang	Rạch Giá	2019-2021	1853/QĐ-UBND, 15/8/2019	44.000	44.000	23.312		43.312		20.000	
4	Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL WB6- Hệ thống cấp nước liên xã Mỹ Thuận - Mỹ Hiệp Sơn (phần mở rộng)	Hòn Đất		7508/VP-KTTH, 17/12/2019	9.200	9.200	0		9.200		9.200	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Toàn tỉnh	2018-2023	2409/QĐ-UBND, 30/10/2018	96.346	96.346	50.000		50.945		945	
II	Sở Giao thông vận tải						227.520	1.111	203.103	674	20.000	-44.417
1	Cầu Công Bình - trả nợ quyết toán	Giồng Riềng	2010-2012	1832/QĐ-UBND, 03/8/2009	29.197		1.111	1.111	674	674		-437
2	Đầu tư xây dựng đường Mỹ Thái; hạng mục xây dựng 06 cầu, huyện Hòn Đất	Hòn Đất	2019-2020	2688/QĐ-SKHDT, 26/11/2018	14.910	14.910	14.250		13.483			-767
3	Đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng Cầu Lộ Quẹo đường tỉnh ĐT.962, huyện Gò Quao	Gò Quao	2018-2020	309/QĐ-SKHDT, 26/10/2018	8.297	8.297	8.414		6.201			-2.213
4	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xây dựng cầu huyện An Biên, An Minh	An Minh, An Biên	2019-2021	2689/QĐ-UBND, 26/11/2018	63.307	63.307	39.630		33.630			-6.000
5	Đường Ngô Quyền (đoạn từ Lê Hồng Phong đến cầu An Hòa), thành phố Rạch Giá	Rạch Giá	2018-2020	2410/QĐ-UBND, 30/10/2018	30.000	30.000	30.000		15.000			-15.000
6	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)	Rạch Giá	2019-2020	2411/QĐ-UBND, 30/10/2018	133.759	133.759	120.000		100.000			-20.000
7	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng	U Minh Thượng	2019-2022	2511/QĐ-UBND, 31/10/2019	125.000	125.000	14.115		34.115		20.000	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
III	Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh						1.540	0	0	0	0	-1.540
1	Chốt dân quân tuyến biên giới huyện Giang Thành, thành phố Hà Tiên; hạng mục mở rộng diện tích các chốt + thiết bị	Hà Tiên, Giang Thành	2018-2020	227/QĐ-SKHĐT, 23/6/2017; 228/QĐ-SKHĐT, 23/6/2017	20.600	20.600	1.540		0			-1.540
IV	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội						18.263	0	16.020	0	0	-2.243
1	Nâng cấp Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội Kiên Giang	Hòn Đất	2018-2020	314/QĐ-SKHĐT, 30/10/2017	12.273	12.273	11.263		10.420			-843
2	Ký túc xá Trường Trung cấp nghề vùng U Minh Thượng	U Minh Thượng	2018-2020	325/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	7.000	7.000	7.000		5.600			-1.400
V	Sở Thông tin và Truyền thông						10.000	0	9.900	0	0	-100
1	Dự án xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2019-2020	Rạch Giá	2019-2021	403/QĐ-SKHĐT, 31/10/2019	9.999	9.999	10.000		9.900			-100
VI	Sở Nội vụ						14.400	0	14.658	0	258	0
1	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội Vụ tỉnh Kiên Giang	Rạch Giá		2264/QĐ-UBND 29/10/2012; 800/QĐ-UBND, 03/4/2017	22.200	22.200	14.400		14.658		258	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
VII	Sở Ngoại vụ						10.000	0	8.449	0	0	-1.551
1	Cải tạo, sửa chữa nhà liên hợp cửa khẩu Hà Tiên và Quốc Môn cửa khẩu	Hà Tiên	2019-2021	386/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019	8.449	8.449	10.000		8.449			-1.551
VIII	Sở Công Thương (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên dân dụng và công nghiệp tỉnh Kiên Giang - chủ đầu tư)						7.500	0	0	0	0	-7.500
1	Tiểu dự án "Cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo ngoài lưới điện Quốc gia tại xã Thổ Châu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - EU tài trợ"	Phú Quốc	2020-2022	1237/QĐ-UBND, 25/5/2020	50.000	50.000	7.500		0			-7.500
IX	Sở Du lịch						45.251	0	40.251	0	0	-5.000
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	Kiên Lương, U Minh Thượng		695/QĐ-UBND, 28/3/2016	80.591	53.591	45.251		40.251			-5.000
X	Văn phòng Tỉnh ủy						32.000	0	28.250	0	1.250	-5.000
1	Sửa chữa nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy	Rạch Giá					5.000		0			-5.000
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	Rạch Giá	2017-2020	2465/QĐ-UBND, 31/10/2016	30.000	30.000	27.000		28.250		1.250	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
XI	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh						128.972	0	211.972	0	83.000	0
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Lộc	Châu Thành	2012-2019	1773/QĐ-UBND, 21/8/2012; 1315/QĐ-UBND, 16/6/2017; 2291/QĐ-UBND, 31/10/2017	835.848	316.562	128.972		211.972		83.000	
XII	Sở Kế hoạch và Đầu tư						50.000	0	21.497	0	0	-28.503
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang	Toàn tỉnh					50.000		21.497			-28.503
XIII	Huyện Hòn Đất						25.995	0	29.361	0	5.330	-1.964
1	Trường Mẫu giáo Thỏ Sơn (điểm Bến Đá)	Hòn Đất	2019-2021	4519/QĐ-UBND, 30/10/2018; 5730/QĐ-UBND, 12/12/2018	9.989	9.989	10.000		8.720			-1.280
2	Xây mới hàng rào+nhà bảo vệ, nâng cấp sân nền Huyện ủy Hòn Đất	Hòn Đất	2.017	4051/QĐ-UBND, 19/9/2017	999	999	999		952			-47
3	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn	Hòn Đất	2019-2021	4520/QĐ-UBND, 30/10/2018; 5721/QĐ-UBND, 11/12/2018	10.000	10.000	10.000		9.400			-600



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
							Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Trụ sở Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất	Hòn Đất	2016-2017	8094/QĐ-UBND, 20/10/2016	3.000	3.000	2.996		2.959			-37
5	Giao thông nông thôn huyện Hòn Đất (bổ sung)	Hòn Đất					2.000		7.330		5.330	
XIV	Huyện Phú Quốc						47.603	0	41.129	0	24	-6.498
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Phú Quốc	Phú Quốc	2016-2018	1078/QĐ-UBND, 25/3/2016	9.965	9.965	9.000		7.963			-1.037
2	Trường TH-THCS Bãi Thơm (điểm Đá Chồng)	Phú Quốc	2016-2018	5865/QĐ-UBND, 28/10/2016	8.400	8.400	7.730		7.586			-144
3	Trường Tiểu học Dương Tơ 2	Phú Quốc	2017-2019	9865/QĐ-UBND, 27/10/2017	5.316	5.316	4.790		4.030			-760
4	Trường Trung học cơ sở Dương Tơ	Phú Quốc	2017-2019	9864/QĐ-UBND, 27/10/2017	5.284	5.284	4.790		4.080			-710
5	Trường TH-THCS Gành Dầu (điểm mầm non)	Phú Quốc	2018-2020	4360/QĐ-UBND, 26/10/2018	1.396	1.396	1.260		1.250			-10
6	Trường Trung học cơ sở Gành Dầu (Điểm trung học cơ sở)	Phú Quốc	2018-2020	4361/QĐ-UBND, 26/10/2018	4.086	4.086	3.780		3.178			-602

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Trường Trung học cơ sở Bãi Bồn (điểm chính)	Phú Quốc	2018-2020	4341/QĐ-UBND, 24/10/2018	4.107	4.107	3.780		3.153			-627
8	Sửa chữa các điểm trường năm 2019	Phú Quốc	2018-2020	4348/QĐ-UBND, 25/10/2018	1.780	1.780	1.710		1.418			-292
9	Trường Trung học cơ sở Bãi Thơm (điểm trường mới)	Phú Quốc	2018-2020	4349/QĐ-UBND, 25/10/2018	4.857	4.857	5.040		3.759			-1.281
10	Sửa chữa các điểm trường năm 2020	Phú Quốc	2019-2021	5089/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.831	1.831	1.593		1.266			-327
11	Đầu tư máy phát điện xã Thổ Châu, huyện Phú Quốc	Phú Quốc	2019-2020	172/QĐ-UBND, 09/01/2019	3.500	3.500	3.500		2.792			-708
12	Trường Mầm non Hàm Ninh (điểm trung học cơ sở)	Phú Quốc	2019-2020	4349/QĐ-UBND, 08/10/2019	698	698	630		654		24	
XV	Huyện Châu Thành						62.712	0	74.837	0	14.500	-2.375
1	Trường Tiểu học Thạnh Lộc 1	Châu Thành	2017-2018	3448/QĐ-UBND, 18/10/2016	6.164	6.164	6.164		5.913			-251
2	Trường Tiểu học Bình An 4	Châu Thành	2018-2020	4568/QĐ-UBND, 19/9/2017	4.286	4.286	6.370		6.146			-224
3	Trường Tiểu học Minh Hòa 3	Châu Thành	2018-2020	4569/QĐ-UBND, 19/9/2017	5.143	5.143	7.157		7.102			-55

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Trường Tiểu học Minh Lương 1	Châu Thành	2018-2020	4567/QĐ-UBND, 19/9/2017	3.486	3.486	3.822		3.701			-121
5	Trường Tiểu học Minh Hòa 4	Châu Thành	2018-2020	4570/QĐ-UBND, 19/9/2017	1.705	1.705	2.648		2.530			-118
6	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Hiệp 2	Châu Thành	2017-2018	3937/QĐ-UBND, 26/10/2016	2.580	2.580	6.700		6.271			-429
7	Trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Châu Thành	2016-2017	3744/QĐ-UBND, 27/10/2015	14.926	13.000	13.000		12.448			-552
8	Cải tạo, mở rộng Hội trường A huyện Châu Thành (hạng mục: cải tạo, mở rộng)	Châu Thành	2019-2020	3647/QĐ-UBND, 19/10/2018	10.000	10.000	5.851		5.726			-125
9	Cải thiện môi trường cống Tám Đô (Đầu tư xây dựng Rãnh thoát nước bê tông cốt thép + đan bê tông cốt thép - đoạn từ cống Tám Đô đến kênh So Đũa)	Châu Thành	2018-2019	4029/QĐ-UBND, 30/10/2018	6.000	6.000	6.000		5.500			-500
10	Giao thông nông thôn huyện Châu Thành	Châu Thành					5.000		19.500		14.500	
XVI	Huyện An Minh						22.234	0	66.769	0	45.144	-609
1	Trường Trung học cơ sở Thị trấn Thứ 11	An Minh	2017-2019	3978/QĐ-UBND, 25/10/2017	4.500	4.500	4.050		3.991			-59
2	Trường Tiểu học Đông Hưng 1	An Minh	2019-2021	3316/QĐ-UBND, 16/9/2019	3.800	3.800	3.420		3.200			-220



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Trường Trung học cơ sở Đông Hưng A	An Minh	2018-2020	3736/QĐ-UBND, 29/10/2018	3.400	3.400	3.060		2.945			-115
5	Trường Trung học cơ sở Đông Hưng 2	An Minh	2019-2021	3317/QĐ-UBND, 16/9/2019	1.500	1.500	1.350		1.135			-215
4	Trường Tiểu học Danh Côi	An Minh	2018-2020	3737/QĐ-UBND, 29/10/2018	4.000	4.000	3.254		3.460		206	
6	Trường Tiểu học Thị trấn 1, huyện An Minh	An Minh	2019-2021	3738/QĐ-UBND, 29/10/2018; 3318/QĐ-UBND, 16/9/2019	14.950	14.950	7.100		7.503		403	
7	Đường KT1, huyện An Minh	An Minh	2019-2023	1127/QĐ-UBND, 13/5/2016; 523/QĐ-UBND, 06/3/2019	200.000	198.000			44.535		44.535	
XVII	Huyện Gò Quao						16.792	0	16.216	0	0	-576
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thới Quàn, huyện Gò Quao	Gò Quao	2015-2017	6633/QĐ-UBND, 31/12/2015	8.500	8.500	7.853		7.760			-93
2	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	Gò Quao	2018-2020	4594/QĐ-UBND, 30/10/2018	9.000	9.000	8.706		8.456			-250

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương			
							Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tăng (+)	Giảm (-)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thủy Liễu	Gò Quao	2010-2013	5073/QĐ-UBND, 15/12/2010; 1918/QĐ-UBND, 15/5/2013	4.217	4.217	233		0			-233
XVIII	Huyện Kiên Hải						8.455	0	4.251	0	0	-4.204
1	Khu trung tâm hành chính xã Lại Sơn	Kiên Hải		1045/QĐ-UBND, 31/10/2016	10.000	10.000	8.455		4.251			-4.204
XIX	Huyện An Biên						48.916	0	47.760	0	127	-1.283
1	Trường Mầm non Đông Thái (Phú Hường) (Phòng học, hàng rào, sân nền, thiết bị, san lấp mặt bằng)	An Biên	2016	836d/QĐ-UBND, 02/4/2015	1.821	1.821	1.717		1.714			-3
2	Trường tiểu học Tây Yên A1 (hàng rào, sân nền, san lấp mặt bằng)	An Biên	2016	3573/QĐ-UBND, 30/10/2015	2.500	2.500	5.428		4.876			-552
3	Trường Trung học cơ sở Hưng Yên (Phòng học, thiết bị)	An Biên	2016	3572/QĐ-UBND, 30/10/2015	4.150	2.929	2.929		2.769			-160
4	+ Tu sửa phòng học chống xuống cấp 2017 - 2020	An Biên	2017-2019	7814/QĐ-UBND, 25/10/2017;	2.806	2.300	2.806		2.738			-68
5	+ Tu sửa phòng học chống xuống cấp 2018 - 2020	An Biên	2018-2019	7820/QĐ-UBND, 25/10/2017	1.052	1.052	1.052		998			-54
6	Trường Tiểu học Đông Thái 3 (phòng học, thiết bị, san lấp và hàng rào)	An Biên		5730/QĐ-UBND, 28/10/2016	9.999	7.500	9.749		9.697			-52
7	Trường Mầm non Nam Yên	An Biên	2017	5685/QĐ-UBND, 27/10/16	1.100	1.100	1.100		1.085			-15
8	Trường Trung học cơ sở Thị trấn Thứ Ba 2 (phòng học, thiết bị và hàng rào)	An Biên	2017-2019	5686/QĐ-UBND, 27/10/16	4.450	4.450	4.450		4.265			-185

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
9	Trường Tiểu học Nam Yên 2 (phòng học và thiết bị)	An Biên	2017-2019	7815/QĐ-UBND, 25/10/2017	2.209	1.569	2.155		2.154			-1
10	Trường Tiểu học Hưng Yên 2	An Biên	2017-2019	7826/QĐ-UBND, 25/10/2017	2.210	1.569	2.211		2.199			12
11	Trường Tiểu học Tây Yên A 2 (phòng học và thiết bị)	An Biên	2017-2019	7817/QĐ-UBND, 25/10/2017	2.210	1.569	2.392		2.343			49
12	Trường Tiểu học Tây Yên 1 (hàng rào, sân nền, san lấp mặt bằng, phòng học, thiết bị)	An Biên	2015-2017	3574/QĐ-UBND, 30/10/2015	3.010	3.010	4.116		4.043			-73
13	Trường tiểu học Đông Thái 2 (phòng học và thiết bị)	An Biên	2017-2019	7816/QĐ-UBND, 25/10/2017	4.241	3.138	4.241		4.182			-59
14	Trường Tiểu học Nam Thái 3 (phòng học và thiết bị)	An Biên	2017-2019	7818/QĐ-UBND, 25/10/2017	2.210	2.210	2.118		2.196		78	
15	Trường Tiểu học Thị trấn thứ ba 3 - Điểm Đông Quý (phòng học và thiết bị); Điểm khu phố I (phòng học, hàng rào, san lấp mặt bằng, thiết bị)	An Biên	2017-2019	7819/QĐ-UBND, 25/10/2017	2.645	2.645	2.452		2.501		49	
XX	Huyện Giang Thành						7.000	0	6.994	0	0	-6
1	Đê bao và cống đập giữ nước thuộc khu bảo tồn sinh cảnh xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	Giang Thành	2018-2020	1982/QĐ-UBND, 22/10/2018	6.994	6.994	7.000		6.994			-6
XXI	Thành phố Rạch Giá						26.371	0	24.043	0	0	-2.328
1	Trường Tiểu học Âu Cơ (điểm chính)	Rạch Giá	2018-2019	1066/QĐ-UBND, 24/10/2018	7.010	7.010	7.010		6.890			-120



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Cải tạo sửa chữa phòng học 2019	Rạch Giá	2018-2019	1073/QĐ-UBND, 25/10/2018	2.425	2.425	2.741		2.144			-597
3	Cải tạo sửa chữa phòng học 2020	Rạch Giá		1364/QĐ-UBND, 31/10/2019	1.431	1.431	1.431		1.180			-251
4	Trường Mầm non Vành Khuyên	Rạch Giá	2019-2020	1067/QĐ-UBND, 24/10/2018	3.600	3.600	5.200		4.340			-860
5	Trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Hòa	Rạch Giá	2018-2020	1092/QĐ-UBND, 29/10/2018;	11.000	11.000	9.989		9.489			-500
XXII	Huyện Tân Hiệp						1.170	0	5.170	0	4.000	0
1	Trường Tiểu học Tân Thành 2 (10 phòng)	Tân Hiệp	2019-2021	5060/QĐ-UBND, 18/10/2019	6.033	6.033	1.170		5.170		4.000	
XIX	Vốn dự phòng (thu hồi từ các đơn vị trả về) +vốn chuẩn bị đầu tư						101.499	0	1.688	0	0	-99.811
1	Thu hồi từ các đơn vị trả về						91.199		0			-91.199
2	Vốn bố trí chuẩn bị đầu tư						10.300		1.688			-8.612

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 ĐẦU TƯ TỪ VỐN XỎ SỔ KIẾN THIẾT**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 466/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
	<b>TỔNG SỐ</b>						2.748.746	0	2.748.746	0	316.668	-316.668
I	Sở Y tế						2.043.130	0	1.997.902	0	163.926	-209.154
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang (Nội B)	Rạch Giá	2010-2013	1507/QĐ-UBND, 02/7/2010; 2162/QĐ-UBND, 04/9/2013	329.066	164.533	100.000		97.715			-2.285
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	Rạch Giá	2016-2020	2236/QĐ-UBND, 29/10/2014; 2010/QĐ-UBND, 25/9/2017; 2247/QĐ-UBND, 01/10/2019; 2664/QĐ-UBND, 21/11/2019	4.113.078	1.890.000	998.573		949.573			-49.000
3	Bệnh viện Sản Nhi	Rạch Giá	2015-2018	426/QĐ-UBND, 03/3/2015	915.857	183.171	678.874		553.874			-125.000
4	Cải tạo, nâng cấp một số khoa điều trị của Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Rạch Giá		105/QĐ-SKHĐT, 30/3/2016	11.870	11.870	10.683		7.876			-2.807
5	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế thành phố Rạch Giá	Rạch Giá	2018-2020	299/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017	5.000	5.000	5.000		4.900			-100

CỘNG HÒA

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
6	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	Giang Thành	2018-2020	2280/QĐ-UBND, 30/10/2017	160.000	160.000	30.000		38			-29.962
7	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Rạch Giá	2019-2023	2433/QĐ-UBND, 31/10/2018	761.195	761.195	200.000		249.000		49.000	
8	Đầu tư phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Rạch Giá	2019-2021	2486/QĐ-UBND, 31/10/2019	245.168	245.168	20.000		134.926		114.926	
<b>II</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>						<b>77.000</b>	<b>0</b>	<b>149.626</b>	<b>0</b>	<b>75.187</b>	<b>-2.561</b>
1	Đường Chu Văn An	Rạch Giá		2263a/QĐ-UBND, 29/10/2012	18.088		6.000		3.500			-2.500
2	Cầu thị trấn Gò Quao	Gò Quao	2017-2020	2268/QĐ-UBND, 30/10/2017	29.870	29.870	21.000		20.939			-61
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao thị trấn Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km204+300 (nút giao Quốc lộ N1, thành phố Hà Tiên)	Kiên Lương	2019-2023	2513/QĐ-UBND, 31/10/2019	320.000	320.000	30.000		80.000		50.000	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao Quốc lộ 63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, Quốc lộ 80, thành phố Rạch Giá)	Châu Thành, Rạch Giá	2019-2023	2512/QĐ-UBND, 31/10/2019	150.000	150.000	20.000		45.187		25.187	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
III	Sở Văn hóa và Thể thao						66.006	0	53.106	0	0	-12.900
1	Dự án bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa: + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Tổng Quán - Gò Quao. + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Quan Đế - Rạch Giá. + Di tích lịch sử văn hóa Đình thần Thanh Hòa - Giồng Riềng. + Di tích lịch sử văn hóa Đình thần Phú Hội - Tân Hiệp. + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Láng Cát - Rạch Giá. + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Sóc Xoài - Hòn Đất. + Di tích lịch sử văn hóa chùa Cái Bần - Gò Quao. + Di tích lịch sử văn hóa chùa Xẻo Can - U Minh Thượng. + Di tích lịch sử thắng cảnh Ba Hòn - Hòn Đất. + Di tích khảo cổ học Nền Chùa - Hòn Đất.	Toàn tỉnh	2018-2020	2282/QĐ-UBND, 30/10/2017	36.000	36.000	36.000		34.600			-1.400
2	Tượng đài Bác Hồ (tại Phú Quốc)	Phú Quốc					5.000		500			-4.500
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Rạch Giá	2019-2020	2434/QĐ-UBND, 31/10/2018	49.616	49.616	25.006		18.006			-7.000
IV	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội						83.100	0	64.600	0	0	-18.500
1	Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện Kiên Hải	Kiên Hải	2015-2017	465/QĐ-UBND, 29/10/2014	10.000	10.000	14.100		12.800			-1.300

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung cấp nghề Tân Hiệp	Tân Hiệp	2018-2020	326/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	9.669	9.669	9.000		7.800			-1.200
3	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	Rạch Giá	2019-2020	333/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	5.000	5.000	5.000		3.700			-1.300
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ Phú Quốc	Phú Quốc	2019-2020	198/QĐ-BQLKKTQP, 16/10/2018	8.602	8.602	10.000		8.100			-1.900
5	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh	An Minh	2019-2020	334/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018	7.000	7.000	7.000		5.100			-1.900
6	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	Gò Quao	2019-2020	338/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018	3.000	3.000	3.000		2.100			-900
7	Đầu tư mua sắm thiết bị nâng cao năng lực đào tạo cho các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Toàn tỉnh	2019-2021	2487/QĐ-UBND, 31/10/2019	35.000	35.000	35.000		25.000			-10.000
IV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						10.000	0	14.775	0	4.775	0
1	Mở rộng tuyến ống cấp nước Hồ Bãi Nhà	Kiên Hải	2019-2020	375/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019	14.775	14.775	10.000		14.775		4.775	
V	Sở Khoa học và Công nghệ						20.000	0	0	0	0	-20.000
1	Dự án đầu tư lò đốt chất thải rắn sinh hoạt BD-Anpha cho các xã đảo huyện Kiên Hải và huyện Phú Quốc	Kiên Hải, Phú Quốc	2019-2021	2365/QĐ-UBND, 15/10/2019	27.350	27.350	20.000		0			-20.000
VI	Huyện Hòn Đất						71.045	0	72.055	0	8.285	-7.275
1	Trường Mẫu giáo Thổ Sơn	Hòn Đất	2019-2022	4628/QĐ-UBND, 29/10/2019	3.080	3.080	4.400		3.413			-987

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tăng (+)
1	2	3	4	5	6	7					14	15
2	Trường Mẫu giáo thị trấn Hòn Đất + hàng rào	Hòn Đất	2017	8105/QĐ-UBND, 20/10/2016	8.942	8.942	8.292		7.473			-819
3	Trường Tiểu học thị trấn Sóc Sơn	Hòn Đất	2019-2022	4630/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.751	4.751	4.700		3.928			-772
4	Trường Tiểu học Mỹ Phú	Hòn Đất	2019-2022	4628/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.774	4.774	4.700		3.194			-1.506
5	Trường Tiểu học Linh Huỳnh	Hòn Đất	2019-2021	4465/QĐ-UBND, 29/10/2018	2.889	2.889	3.587		2.617			-970
6	Trường Trung học cơ sở Mỹ Lâm	Hòn Đất	2018	4321/QĐ-UBND, 20/10/2017	4.611	3.900	4.398		4.321			-77
7	Trường Tiểu học Mỹ Hiệp Sơn + Hàng rào	Hòn Đất	2019-2022	4627/QĐ-UBND, 29/10/2019	4.129	4.129	4.129		2.560			-1.569
8	- Sửa chữa chống xuống cấp và xây dựng nhà vệ sinh 2017	Hòn Đất	2017-2018	8097/QĐ-UBND, 20/10/2016	2.074	2.074	1.775		1.725			-50
9	- Sửa chữa chống xuống cấp và xây dựng nhà vệ sinh 2020	Hòn Đất	2019-2022	4631/QĐ-UBND, 29/10/2019	2.266	2.266	2.266		2.250			-16
10	Trường Mẫu giáo Linh Huỳnh	Hòn Đất	2019-2021	4512/QĐ-UBND, 30/10/2018	3.186	3.186	3.186		2.871			-315
11	Trường Tiểu học Nam Thái	Hòn Đất	2019-2020	4459/QĐ-UBND, 29/10/2018	2.608	2.608	2.608		2.573			-35
12	Trường Tiểu học Hòa Tiến	Hòn Đất	2019-2020	4458/QĐ-UBND, 29/10/2018	2.666	2.666	2.667		2.624			-43



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
13	Trạm Y tế xã Sơn Bình; hạng mục: cải tạo sửa chữa trạm, xây mới bể xử lý	Hòn Đất	2016-2017	283/QĐ-UBND, 25/01/2016	571	571	540		535			-5
14	Trạm Y tế xã Mỹ Lâm; hạng mục: cải tạo sửa chữa trạm, xây mới bể xử lý	Hòn Đất	2016-2017	284/QĐ-UBND, 25/01/2016	612	612	573		570			-3
15	Trung tâm văn hóa thể thao xã Mỹ Phước	Hòn Đất	2019-2021	4454/QĐ-UBND, 26/10/2018	2.000	2.000	2.000		1.984			-16
16	Trung tâm văn hóa thể thao xã Mỹ Thái	Hòn Đất	2019-2020	4456/QĐ-UBND, 26/10/2018	2.000	2.000	2.000		1.960			-40
17	Trung tâm văn hóa thể thao xã Linh Huỳnh	Hòn Đất	2019-2020	4455/QĐ-UBND, 26/10/2018	2.000	2.000	2.000		1.948			-52
18	Trường Trung học cơ sở Giồng Kè	Hòn Đất	2018	4331/QĐ-UBND, 20/10/2017	5.180	5.180	4.808		4.836		28	
19	Trường Trung học cơ sở Sóc Sơn	Hòn Đất	2019-2021	4513/QĐ-UBND, 30/10/2018	5.106	5.106	3.416		3.697		281	
20	Giao thông nông thôn huyện Hòn Đất (bổ sung)	Hòn Đất					9.000		16.976		7.976	
VII	<b>Huyện Gò Quao</b>						<b>73.915</b>	<b>0</b>	<b>73.883</b>	<b>0</b>	<b>4.482</b>	<b>-4.514</b>
1	Đường nội ô khu Trung tâm hành chính huyện Gò Quao	Gò Quao	2016-2018	4749/QĐ-UBND, 28/10/2016	7.200	7.200	6.480		5.934			-546
2	Trung tâm văn hóa xã Thới Quản	Gò Quao	2019-2020	5283/QĐ-UBND, 18/12/2018	3.500	3.500	3.500		3.162			-338

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương			
							Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
3	Hệ thống xử lý nước thải 06 điểm chợ	Gò Quao		5286/QĐ-UBND, 18/12/2018	4.800	4.800	4.800		4.730			-70
4	Sửa chữa bệnh viện huyện Gò Quao	Gò Quao		5288/QĐ-UBND, 18/12/2018	8.000	8.000	7.035		5.735			-1.300
5	Trường tiểu học 1, thị trấn Gò Quao	Gò Quao	2018-2020	4597/QĐ-UBND, 30/10/2018	6.200	6.200	6.200		5.340			-860
6	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Gò Quao	Gò Quao	2019-2021	4940/QĐ-UBND, 16/9/2019	4.000	4.000	4.000		3.450			-550
7	Đường kênh Mười Đồn, huyện Gò Quao	Gò Quao	2019-2020	4939/QĐ-UBND, 16/9/2019	4.000	4.000	4.000		3.150			-850
8	Trường Mầm non Thới Quản	Gò Quao	2016-2018	4737/QĐ-UBND, 28/10/2016	3.850	2.000	3.700		3.745		45	
9	Trường tiểu học Thới Quản 1	Gò Quao	2017-2019	5104/QĐ-UBND, 25/10/2017	5.500	4.000	5.000		5.225		225	
10	Trường Tiểu học Vĩnh Phước A2 (điểm Phước An)	Gò Quao	2017-2019	5105/QĐ-UBND, 25/10/2017	3.250	2.500	3.000		3.142		142	
11	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Hưng Nam 3 (điểm Sóc Sáp)	Gò Quao	2017-2019	4730/QĐ-UBND, 28/9/2017	3.265	2.500	3.200		3.270		70	
12	Giao thông nông thôn huyện Gò Quao (bổ sung)	Gò Quao					23.000		27.000		4.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương			
							Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tăng (+)	Giảm (-)
1	2	3	4	5	6	7					14	15
VIII	Huyện U Minh Thượng						24.000	0	14.000	0	0	-10.000
1	Cầu trung tâm hành chính U Minh Thượng	U Minh Thượng	2015-2016	2261/QĐ-UBND, 30/10/2014	35.000	35.000	24.000		14.000			-10.000
IX	Huyện Phú Quốc						23.200	0	20.462	0	200	-2.938
1	Nhà văn hóa xã Cửa Dương	Phú Quốc	2018-2020	4373/QĐ-UBND, 29/10/2018	2.671	2.500	2.500		887			-1.613
2	Xây dựng mới nhà hiệu bộ trường tiểu học Cửa Dương 2	Phú Quốc	2018-2020	169/QĐ-UBND, 09/01/2019	4.595	4.595	4.700		4.538			-162
3	Xây dựng mới nhà hiệu bộ trường tiểu học-trung học cơ sở Cửa Dương	Phú Quốc	2018-2020	4358/QĐ-UBND, 26/10/2018	4.095	4.095	4.800		4.037			-763
4	Xây dựng mới hàng rào, sân nền trường Tiểu học Cửa Dương 1	Phú Quốc	2018-2020	171/QĐ-UBND, 09/01/2019	2.189	2.189	2.200		1.800			-400
5	Giao thông nông thôn huyện Phú Quốc (bổ sung)	Phú Quốc					9.000		9.200		200	
X	Thành phố Rạch Giá						29.300	0	19.000	0	0	-10.300
1	Cầu Vàm Trư (đường Huỳnh Thúc Kháng)	Rạch Giá		2506/QĐ-UBND, 31/10/2019	24.915	24.915	20.000		11.600			-8.400
2	Đường cấp kênh vành đai (đoạn từ cầu kênh áp Chiến Lược đến đường Cao Văn Lầu) và cầu Rạch Lác, phường Vĩnh Hiệp, thành phố Rạch Giá	Rạch Giá	2019-2020	1141/QĐ-UBND, 29/10/2018	4.000	4.000	7.300		5.600			-1.700



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
3	Trung tâm văn hóa thể thao liên phường Vĩnh Thanh Vân - Vĩnh Thanh - Vĩnh Quang	Rạch Giá	2018-2019	1094/QĐ-UBND, 29/10/2018	2.000	2.000	2.000		1.800			-200
<b>XI</b>	<b>Huyện Vĩnh Thuận</b>						<b>43.000</b>	<b>0</b>	<b>52.700</b>	<b>0</b>	<b>9.700</b>	<b>0</b>
1	Giao thông nông thôn huyện Vĩnh Thuận (bổ sung)	Vĩnh Thuận					43.000		52.700		9.700	
<b>XII</b>	<b>Huyện Châu Thành</b>						<b>27.300</b>	<b>0</b>	<b>9.100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-18.200</b>
1	Đầu tư xây dựng đường Minh Lương - Giục Tượng	Châu Thành		2490/QĐ-UBND, 31/10/2019	34.900	34.900	14.000		0			-14.000
2	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Phú 2	Châu Thành	2020-2021	3850/QĐ-UBND, 27/9/2019	14.890	14.890	13.300		9.100			-4.200
<b>XIII</b>	<b>Huyện An Biên</b>						<b>48.641</b>	<b>0</b>	<b>62.732</b>	<b>0</b>	<b>14.233</b>	<b>-142</b>
1	Sửa chữa nâng cấp trạm y tế Nam Thái, Nam Thái A, Tây Yên	An Biên	2015-2017	3569/QĐ-UBND, 30/10/2017	2.115	2.115	4.045		3.903			-142
2	Trung tâm văn hóa thể thao huyện An Biên	An Biên		3557/QĐ-UBND, 29/10/2015	9.942	9.942	9.200		9.433		233	
3	Huyện An Biên (giao thông nông thôn)	An Biên					35.396		49.396		14.000	
<b>XIV</b>	<b>Huyện An Minh</b>						<b>75.000</b>	<b>0</b>	<b>80.465</b>	<b>0</b>	<b>5.465</b>	<b>0</b>
1	Đường KT1, huyện An Minh	An Minh	2019-2023	1127/QĐ-UBND, 13/5/2016; 523/QĐ-UBND, 06/3/2019	200.000	198.000	75.000		80.465		5.465	
<b>XV</b>	<b>Thành phố Hà Tiên</b>						<b>29.119</b>	<b>0</b>	<b>39.075</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>-44</b>

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7					14	15
1	Trường Tiểu học Pháo Đài II	Hà Tiên	2017-2019	1260a/QĐ-UBND, 20/10/2017	6.797	6.797	6.155		6.125			-30
2	Trường Tiểu học Bình San (điểm KP5)	Hà Tiên	2016-2017	2063/QĐ-UBND, 27/10/2015	3.160	3.160	2.964		2.950			-14
3	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Hà Tiên	2019-2023	2510/QĐ-UBND, 31/10/2019	200.480	200.480	20.000		30.000		10.000	
XVI	Huyện Kiên Lương						4.990	0	4.850	0	0	-140
1	Trường Mầm non Bình An (Điểm Hòn Trẹm)	Kiên Lương	2017-2019	3649/QĐ-UBND, 24/10/2017	2.261	2.200	2.080		2.066			-14
2	Trường Tiểu học thị trấn Kiên Lương (điểm Xã Ngách)	Kiên Lương	2018-2020	2971/QĐ-UBND, 25/10/2018	3.190	2.910	2.910		2.784			-126
XVII	Vốn thu hồi từ các đơn vị trả về						0		20.415		20.415	



Phụ lục III

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2016 - 2020 ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*Thực hiện theo Nghị quyết số 466/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG SỐ</b>						569.601	0	569.601	0	140.493	-140.493
<b>I</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>						347.288	0	287.288	0	0	-60.000
1	Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	Toàn tỉnh	2015-2022	2328/QĐ-UBND, 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, 23/10/2017	755.022	377.511	347.288		287.288			-60.000
<b>II</b>	<b>Sở Giao thông Vận tải</b>						130.000	0	240.493	0	140.493	-30.000
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Phủ Quốc	2019-2023	1752/QĐ-UBND, 02/8/2019	919.928	919.928	50.000		120.000		70.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Rạch Giá	2019-2023	2233/QĐ-UBND, 30/9/2019	409.993	409.993	70.000		40.000			-30.000



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công đến hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch	
				Số văn bản; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ xây dựng cơ bản		
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Rạch Giá, Hòn Đất	2019-2023	2232/QĐ-UBND, 30/9/2019	952.960	952.960	10.000		80.493		70.493	
III	Huyện Châu Thành						53.900	0	28.900	0	0	-25.000
1	Đường kênh Đồn Dong	Châu Thành	2018-2020	2499/QĐ-UBND, 31/10/2019	59.790	59.790	53.900		28.900			-25.000
IV	Huyện U Minh Thượng						13.000	0	4.500	0	0	-8.500
1	Cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965	U Minh Thượng		2489/QĐ-UBND, 31/10/2019	50.000	50.000	13.000		4.500			-8.500
V	Thành phố Hà Tiên						15.000	0	5.000	0	0	-10.000
1	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	Hà Tiên	2020-2022	792/QĐ-UBND, 04/4/2019	40.000	40.000	15.000		5.000			-10.000
IV	Dự phòng - Tăng thu sử dụng đất						10.413		3.420			-6.993